

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 4 - 2023

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh

Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐ-ST ngày 20/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đại Từ, xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh BG.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: thôn Đại Từ, xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh BG (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị H tại Việt Nam: thôn Đại Từ, xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh BG.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Thanh Giã I, xã Tam Di, huyện L, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, anh chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh BG. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2019 chị H, cháu Linh chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Khoảng tháng 4/2021 chị H đi lao động tại Đài Loan. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ giữa tháng 5/2021 đến nay anh và chị H không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Nam K, sinh ngày 23/01/2010 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 13/7/2016. Hiện nay cháu K đang sinh sống cùng anh, còn cháu L đang sinh sống cùng chị H và bà ngoại (bà Bùi Thị H).

Ly hôn anh đề nghị: Giao cháu K cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu L cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh BG.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H trình bày: Bà là mẹ chị Nguyễn Thị H, anh C, chị H, năm 2018 anh, chị phát sinh mâu thuẫn, đầu năm 2019 chị H, cháu Linh chuyển về sinh sống cùng bà. Khoảng tháng 4/2021 chị H đi lao động tại Đài Loan. Bà có biết vợ chồng mâu thuẫn, có khuyên bảo anh, chị về ở với nhau để chăm sóc con cái nhưng không được. Anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Nam Khánh, sinh ngày 23/01/2010 và cháu Nguyễn Khánh Linh, sinh ngày 13/7/2016, hiện nay cháu Khánh đang sinh sống cùng anh C, cháu Linh đang sống cùng bà.

Ngoài ra bà H cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan chị H sinh sống cùng bà tại Thanh Giã I, xã Tam Di, huyện L, tỉnh BG. Sau khi sang Đài Loan chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Bà đã thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh BG đang thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh C và chị H nhưng không thấy chị H cung cấp địa chỉ nơi

làm việc, nơi ở và ý kiến bằng văn bản cho Tòa án. Cháu L hiện đang sinh sống cùng bà và chị H. Chị H đi lao động nước ngoài nhưng chị thường xuyên quan tâm, gọi điện hỏi thăm con hàng ngày. Bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Linh thay chị H trong thời gian chị H đi lao động tại nước ngoài. Bà không yêu cầu anh C, chị H phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng.

Cháu Nguyễn Nam K trình bày: cháu hiện nay đang ở với bố. Nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng bố.

Cháu Nguyễn Khánh L trình bày: cháu hiện nay đang ở cùng bà ngoại và mẹ. Nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng mẹ và bà ngoại.

* Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn C, bà Bùi Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Văn C; biên bản làm việc với bà Hạt là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, Điều 104; khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nam K cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Khánh L cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cháu Linh cho bà Bùi Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh C khởi kiện xin ly hôn chị H và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Tại Công văn số 3595/QLXNC-P5 ngày 22/02/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/6/1987 đã xuất cảnh ngày 05/5/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, chị H được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, chị H là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh BG. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BG theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn C, bà Bùi Thị Hạt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C, bà Hạt.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bà Hạt là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của chị H trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn Thanh Giã I, xã Tam Dị, huyện L, tỉnh BG. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho chị H thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho chị H biết việc Tòa án nhân dân tỉnh BG đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C và bị đơn là chị Nguyễn Thị H. Bà H cho biết chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị H không cung cấp cho bà địa chỉ cụ thể của chị H tại Đài Loan để bà cung cấp cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh BG. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C với chị Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh C, chị H chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, đầu năm 2019 chị H cùng cháu

Linh chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống, sau đó tháng 5/2021 chị H đi lao động tại Đài Loan. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện thoại khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn tiếp tục về chung sống nhưng không được. Anh C xác định từ tháng 5/2021 đến nay anh, chị không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh C, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị H, xử cho anh C được ly hôn chị H là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Anh C, chị H có 02 con chung là Nguyễn Nam K, sinh ngày 23/01/2010 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 13/7/2016. Hiện nay cháu K đang sinh sống cùng anh C, cháu L đang sinh sống cùng chị H, bà Hạt. Sau khi ly hôn anh C đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống.

Xét yêu cầu giao nuôi con chung của anh C: Cháu K hiện đang sinh sống cùng anh C từ khi sinh ra cho đến nay và cháu Khánh trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố. Cháu Linh sinh sống cùng chị H và bà Hạt từ năm 2019 đến nay các cháu đều phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Chị H tuy đi lao động nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên gọi điện quan tâm đến con chung. Ngoài ra, bà Hạt là mẹ đẻ chị H đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L giúp chị H cho đến khi chị H về nước sinh sống. Do đó, để con chung ổn định cuộc sống, không bị xáo trộn, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung theo đề nghị của anh C sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung và phù hợp Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C, chị H thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh BG.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Anh Nguyễn Văn C, bà Bùi Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Nam K, sinh ngày 23/01/2010 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 13/7/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Bùi Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Nguyễn Thị H về nước sinh sống hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị H, anh C thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000865 ngày 14/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh BG. Xác nhận anh Nguyễn Văn C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn C, bà Bùi Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BG;
- Cục THADS tỉnh BG;
- UBND xã Bảo Đài, huyện L,
tỉnh BG;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hương